

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Tên đề tài: **Dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay**

Mã số: **KX.01.40/16-20**

Thuộc: **Chương trình KH &CN trọng điểm cấp nhà nước KX.01/16-20 “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế- xã hội”.**

Hợp đồng số: **40/2018/HĐ-ĐTCT - KX.01/16-20**

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- *Mục tiêu chung:* Làm rõ cơ sở lý luận về dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm. Làm rõ thực trạng dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm ở Việt Nam hiện nay; Đánh giá hệ quả xã hội của dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm và đề xuất giải pháp.

- *Mục tiêu cụ thể*

+ Làm rõ cơ sở lý luận về dur luận xã hội và dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm

+ Phân tích thực trạng dur luận xã hội về tình trạng an toàn thực phẩm ở nước ta hiện nay.

+ Phân tích vai trò của dur luận xã hội về kiểm soát xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm ở nước ta hiện nay.

+ Phân tích tác động của truyền thông đối với dur luận xã hội về an toàn thực phẩm.

+ Đánh giá hệ quả xã hội của dur luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm.

+ Đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của dư luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Ngọc Trung

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Nghiên cứu Con người

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.030 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.030 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 6/2018

Kết thúc: tháng 11/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Ngọc Trung	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
2	Mai Quỳnh Nam	PGS.TS	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
3	Đào Thị Minh Hương	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
4	Mai Linh	Tiến sĩ	Đại học KHXH và NV Hà Nội
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tiến sĩ	Trung tâm nghiên cứu và tư vấn đề phát triển- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
6	Nguyễn Đình Tuấn	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
7	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
8	Phạm Thu Hương	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

9	Nguyễn Thị Thanh Thủy	NCS	Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội
10	Nguyễn Thị Nga	Thạc sỹ	Viện Nghiên cứu Con người- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Báo cáo tổng hợp		x			x			x	
2	Báo cáo tóm tắt		x			x			x	
3	Báo cáo kiến nghị		x			x			x	
4	05 bài tạp chí		x			x			x	
5	Các báo cáo giữa kỳ		x			x			x	
	01 bản thảo sách		x			x			x	
	Đào tạo 2 học viên cao học		x			x			x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Báo cáo kiến nghị	2021	+Viện Nghiên cứu Con người; + Viện Dư luận xã hội + Khoa xã hội học trường Đại học KHXH & NV + Học viện Khoa học xã hội; + Học viện Báo chí tuyên truyền	

			+ Học viện chính trị- hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	
--	--	--	---	--

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đóng góp mới về mặt lý luận

Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam hiện nay, lương thực thực phẩm có một vị trí rất quan trọng đối với nền an ninh lương thực của quốc gia, ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế còn có ý nghĩa rất quan trọng về mặt chính trị, xã hội.

Tình trạng mất vệ sinh an toàn thực phẩm là một vấn đề đáng báo động và đang gây bức xúc cho người dân hiện nay. Mất vệ sinh an toàn thực phẩm ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe con người, làm tăng chi phí khám chữa bệnh, hệ lụy của nó dẫn tới làm giảm thu nhập, sinh kế của người dân, giảm cơ hội tiếp cận với giáo dục có nghĩa là làm giảm trình độ phát triển con người. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn chưa có cơ chế và biện pháp để giải quyết một cách triệt để vấn nạn này. Nếu không giải quyết tốt được vấn đề này thì không thể nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe của người dân, đảm bảo phát triển con người một cách bền vững.

Mối quan tâm về an toàn thực phẩm trở thành mối quan tâm chưa bao giờ hết nóng trong các diễn đàn, các phương tiện truyền thông. Vì vậy, hơn bao giờ hết một lần nữa có thể khẳng định rằng an toàn thực phẩm có tầm quan trọng rất lớn đối với sức khỏe của con người nói chung và an ninh sức khỏe nói riêng.

Đóng góp phát hiện mới từ thực tế nghiên cứu

a. Nghiên cứu phân tích nhân tố xác định (CFA) và mô hình cấu trúc (SEM) cho thấy nội dung liên quan đến kiểm soát ATTP ở nước ta có mối quan hệ thuận chiều với mức độ ATTP. Tuy vậy, những khó khăn khi người dân khi lựa chọn thực phẩm không cho thấy tác động thuận chiều hay ngược chiều với mức độ ATTP. Bên cạnh đó, mối quan hệ đồng phương sai giữa nội dung kiểm soát ATTP và

những khó khăn của người dân khi lựa chọn thực phẩm có mối quan hệ nghịch chiều. Khuyến nghị cho phần này là bên cạnh việc duy trì và nâng cao các hoạt động nội dung kiểm soát ATTP, các nhà quản lý cần giảm thiểu các khó khăn của người dân ở mức thấp nhất trong việc lựa chọn ATTP như thông tin, kiến thức về thực phẩm hoặc các hạn chế về thời gian hoặc tài chính thì sẽ làm cho công tác kiểm soát ATTP được tốt hơn.

b. Mặc dù nội dung kiểm soát đã có tác dụng tốt nhưng với kết quả định lượng ở trên nhưng nhìn chung dư luận DLXH đánh giá chưa cao về công tác kiểm soát khả năng thực hiện luật ATTP trong thực tế đời sống xã hội (khảo sát ý kiến người dân). Điều đó cũng thể hiện quá trình kiểm soát thực phẩm hiện nay còn nhiều vấn đề đặt ra, chưa thực sự chặt chẽ, chưa đảm bảo được yêu cầu của người tiêu dùng đối với sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật cũng như hoạt động có hiệu quả của các cơ quan chức năng. Trong bốn nội dung của kiểm soát thực phẩm là sản xuất thực phẩm, bảo quản thực phẩm, phân phối thực phẩm và sử dụng thực phẩm thì nội dung phân phối thực phẩm là kém nhất phản ánh qua việc là Nhà nước chưa kiểm soát tốt cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống và thực phẩm đường phố.

c. Các tin tức về thực phẩm không an toàn được người dân trao đổi nhiều nhất, người dân ở nông thôn có mức độ trao đổi thông tin nhiều hơn người dân thành thị. Ở các địa bàn khảo sát, tuyên truyền qua loa phát thanh vẫn là hình thức phổ biến nhất để tuyên truyền về ATTP, DLXH đã có tác động rất lớn đến tiêu dùng thực phẩm của người dân. Do đó cần phải thấy được thế mạnh của từng phương tiện truyền thông cụ thể để phát huy được khả năng thông tin, đồng thời thúc đẩy DLXH hướng tới việc ủng hộ các phương thức sản xuất và chế biến thực phẩm an toàn nhằm nâng cao sức khỏe của người dân.

d. Về khía cạnh tác động của DLXH đến vấn đề sản xuất ATTP, tựu chung lại, người dân ở khu vực nông thôn tham gia khảo sát đều có điểm số trung bình tích cực cao hơn ở khu vực thành thị. Có thể suy luận rằng ở nông thôn, mức độ liên hệ và giao tiếp giữa người dân lớn hơn so với khu vực thành thị nên áp lực của dư luận cũng sẽ lớn hơn. Về khía cạnh tiêu cực, người ở khu vực thành thị cho rằng DLXH có tác động mạnh và tiêu cực đến quá trình sản xuất trong khi đó người ở

khu vực nông thôn lại khá trung dung trong việc đánh giá liệu DLXH có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình sản xuất.

Những người càng trẻ thì càng cho số điểm đồng ý cao hơn so với những người lớn tuổi về tác động tích cực của DLXH đến vấn đề tiêu dùng ATTP. Người trẻ tuổi thể hiện mức độ đồng ý cao bởi có thể họ dễ dàng tiếp cận thông tin và dễ dàng trang bị kiến thức cho mình để có thể tiêu dùng thực phẩm một cách thông minh. Tương tự, những người có thu nhập càng cao thì càng đồng ý mức độ cho rằng tác động tích cực của DLXH đến vấn đề tiêu dùng ATTP.

e. Đề xuất các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm phải ghi rõ hàm lượng chất bảo quản trong nhãn hiệu hàng hóa

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả nghiên cứu, đào tạo

- Những cán bộ nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Con người và các tổ chức phối hợp khi tham gia vào các công việc của đề tài sẽ tích lũy thêm được kinh nghiệm, kiến thức trong nghiên cứu về dư luận xã hội cũng như góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập.

- Đề tài góp phần đào tạo 02 nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài. Các nghiên cứu sinh được tiếp cận và có cơ hội tham gia nghiên cứu.

- Những cán bộ nghiên cứu trẻ của tổ chức chủ trì cũng như các các viện nghiên cứu và các tổ chức phối hợp khi tham gia vào các công việc của đề tài sẽ tích lũy được kinh nghiệm và kiến thức về phương pháp nghiên cứu và triển khai công việc nghiên cứu thực địa.

3.2. Hiệu quả xã hội

- Đề tài góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho các cơ quan xây dựng và hoạch định chính sách liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm, qua đó có thể đưa ra sự điều chỉnh kịp thời trong các chính sách liên quan.

- Đề tài cung cấp thông tin, số liệu và các luận cứ khoa học cho các cơ quan thực thi chính sách ở trung ương và địa phương, bộ/ngành về dư luận xã hội đối với vấn đề an toàn thực phẩm từ đó có những hành động kịp thời nhằm kiểm soát xã hội về vấn đề an toàn thực phẩm, hướng đến mục tiêu phát triển xã hội lành

manh.

- Cùng với nguồn dữ liệu, số liệu thu thập được, những kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ được công bố qua đó giới nghiên cứu khoa học, những người làm chính sách và mọi người có quan tâm cùng sử dụng, từ đó, góp phần nâng cao nhận thức mọi người dân cũng như cán bộ quản lý về vai trò dư luận xã hội trong việc phản biện, kiểm soát vấn đề an toàn thực phẩm.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

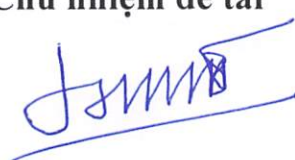
2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

Đơn vị chủ trì


Nguyễn Thị Hoài Lê

Chủ nhiệm đề tài

Nguyễn Ngọc Trung

HOI VIET